

p trình duyệt Tổng Web / biết  
2012

**BỘ TÀI CHÍNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3873/QĐ-BTC

Hà Nội, ngày 12 tháng 12 năm 2007

**QUYẾT ĐỊNH**

CỤC THUẾ TỈNH QUẢNG BÌNH  
**ĐẾN**  
Ngày: 24-12-2007  
Số: 4705  
Chuyên:

**Về việc ban hành Danh mục các đề án và cơ chế chính sách thực hiện Chiến lược phát triển Kho bạc Nhà nước đến năm 2020**

**BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH**

Căn cứ Nghị định số 86/2002/NĐ-CP ngày 5 tháng 11 năm 2002 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 77/2003/NĐ-CP ngày 1 tháng 7 năm 2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 138/2007/QĐ-TTg ngày 21 tháng 8 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển Kho bạc Nhà nước đến năm 2020;

Theo đề nghị của Tổng Giám đốc Kho bạc Nhà nước,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1:** Ban hành kèm theo Quyết định này Danh mục các đề án và cơ chế chính sách thuộc 8 chương trình triển khai thực hiện “Chiến lược phát triển Kho bạc Nhà nước đến năm 2020”, bao gồm:

1. Chương trình cải cách quản lý quỹ ngân sách nhà nước và các quỹ tài chính nhà nước.
2. Chương trình cải cách quản lý ngân quỹ và quản lý nợ Chính phủ.
3. Chương trình cải cách công tác kế toán nhà nước.
4. Chương trình hiện đại hoá hệ thống thanh toán.
5. Chương trình cải cách công tác kiểm tra, kiểm soát.
6. Chương trình hiện đại hoá công nghệ thông tin.

7. Chương trình hoàn thiện tổ chức bộ máy và phát triển nguồn nhân lực.
8. Chương trình tăng cường hợp tác quốc tế.

**Điều 2:** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng Bộ Tài chính, Tổng Giám đốc Kho bạc Nhà nước, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ Tài chính chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Thủ tướng, các Phó thủ tướng (để báo cáo);
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan;
- Sở Tài chính các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Cục Thuế, Cục Hải quan, Kho bạc Nhà nước các tỉnh thành phố trực thuộc TW;
- Lưu VT, KBNN.

**BỘ TRƯỞNG**



**Vũ Văn Ninh**

**DANH MỤC ĐỀ ÁN, CƠ CHẾ CHÍNH SÁCH**  
**THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN KBNN ĐẾN NĂM 2020**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 3873/QĐ-BTC ngày 12/12/2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

| STT  | Tên đề án  | Đơn vị chủ trì và Phối hợp thực hiện |   | Thời gian         |                    |
|--|--|--------------------------------------|---|-------------------|--------------------|
|  |  | Đơn vị chủ trì                       | Đơn vị phối hợp   | Thời gian bắt đầu | Thời gian kết thúc |
| <b>I. Chương trình cải cách quản lý quỹ NSNN và các quỹ tài chính nhà nước</b> |  |                                      |   |                   |                    |
| 1  | Hiện đại hóa quy trình quản lý thu nộp thuế giữa Thuế - Hải quan và KBNN.                  | Tổng cục Thuế                        | KBNN, Tổng cục Hải quan, Cục Tin học và thống kê                    | 2007              | 2008               |
| 2  | Xây dựng quy trình cam kết chi   | KBNN                                 | Vụ NSNN, Vụ DT, Vụ CDKT, Vụ HCSN                                    | 2008              | 2010               |
| 3  | Xây dựng quy trình kiểm soát chi NSNN qua KBNN trên cơ sở quản lý NSNN theo kết quả đầu ra | KBNN                                 | Vụ NSNN; Vụ DT; HCSN; CDKT; TCBN; Cục TH&TK; Vụ Pháp chế            | 2012              | 2015               |
| 4  | Xây dựng quy trình kiểm soát chi NSNN "một cửa" qua KBNN                                   | KBNN                                 |   | 2007              | 2008               |
| 5  | Xây dựng quy trình kiểm soát chi điện tử   | KBNN                                 | NSNN; Vụ DT; HCSN; CDKT; TCBN; Cục TH&TK; các đơn vị liên quan khác | 2015              | 2020               |

|   |  |                         |  |      |      |
|---|--|-------------------------|--|------|------|
| 6   | Thống nhất đầu mối và quy trình kiểm soát chi NSNN   | KBNN                    | Các đơn vị thuộc Bộ  | 2010 | 2015 |
| 7   | Thống nhất quản lý các quỹ tài chính nhà nước  | Vụ NSNN                 | KBNN; Vụ ĐT; Cục dự trữ; HCSN; CDKT; TCĐN; TCNH; các đơn vị liên quan khác     | 2010 | 2015 |
| 8   | Xây dựng kho dữ liệu thu, chi NSNN   | Cục Tin học và thống kê | NSNN; KBNN; Vụ I; Vụ ĐT; HCSN; CDKT; TCĐN; TCNH; các đơn vị liên quan khác     | 2008 | 2010 |
| 9   | Sửa đổi, bổ sung Luật NSNN   | Vụ NSNN                 | Các đơn vị thuộc Bộ  | 2008 | 2010 |
| 10  | Xây dựng Nghị định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kiểm soát chi NSNN qua KBNN                                       | KBNN                    | NSNN; ĐT; HCSN; CDKT; Thanh tra tài chính; Pháp chế; các đơn vị liên quan khác | 2008 | 2010 |
| <b>Chương trình cải cách quản lý ngân quỹ và nợ Chính phủ</b> |  |                         |  |      |      |
| 11  | Quy định của Chính phủ về cơ chế phối hợp xây dựng và tổ chức thực hiện chính sách tài chính - ngân sách và chính sách tiền tệ | Vụ NSNN                 | TCNH; KBNN; ĐT; TCĐN; HCSN; UBCKNN   | 2008 | 2010 |
| 12  | Xây dựng Luật Quản lý ngân quỹ   | KBNN                    | NSNN; TCNH; TCĐN; CDKT; các đơn vị có liên quan khác                           | 2008 | 2012 |

|             |   |         |  |      |      |
|-------------|---|---------|--|------|------|
| 13          | Xây dựng hệ thống dự báo dòng tiền.   | KBNN    | NSNN; TCNH; Cục TH&TK; các đơn vị có liên quan khác                      | 2010 | 2012 |
| 14          | Xây dựng hệ thống kiểm soát và quản lý rủi ro ngân quỹ  | KBNN    | NSNN; TCNH; Cục TH&TK; Thanh tra tài chính; các đơn vị có liên quan khác | 2010 | 2012 |
| 15          | Xây dựng hệ thống tài khoản kho bạc duy nhất (TSA)  | KBNN    | NSNN; TCNH; Cục TH&TK; các đơn vị có liên quan khác                      | 2010 | 2012 |
| 16          | Xây dựng cơ chế quản lý đầu tư ngân quỹ, gắn quản lý ngân quỹ với quản lý nợ Chính phủ.   | KBNN    | NSNN; TCNH; TCĐN; Cục TH&TK; các đơn vị có liên quan khác                | 2008 | 2010 |
| 17          | Xây dựng mô hình KBNN quản lý ngân quỹ  | KBNN    | NSNN; TCNH; TCĐN; Vụ TCCB; các đơn vị có liên quan khác                  | 2010 | 2012 |
| 18          | Sửa đổi Nghị định 141/2003/NĐ-CP về phát hành trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh và trái phiếu chính quyền địa phương | Vụ TCNH | NSNN; KBNN; TCĐN; các đơn vị có liên quan khác                           | 2008 | 2009 |
| 19          | Thành lập hệ thống đại lý cấp 1 về phát hành tín phiếu, trái phiếu.   | Vụ TCNH | NSNN; KBNN; TCĐN; các đơn vị có liên quan khác                           | 2008 | 2009 |
| 20          | Đề án quản lý nợ  | TCĐN    | NSNN; KBNN; TCNH; CDKT&KT; các đơn vị có liên quan khác                  | 2008 | 2010 |
| <b>III.</b> | <b>Chương trình cải cách công tác kế toán</b>   |         |  |      |      |

|  |  |            |  |                                 |
|--|--|------------|--|---------------------------------|
| 21   | Hoàn thiện hệ thống báo cáo tài chính và báo cáo kế toán quản trị trong điều kiện triển khai TABMIS  | Vụ NSNN    | KBNN, Vụ CDKT&KT và các đơn vị thuộc Bộ                              | Theo lộ trình triển khai TABMIS |
| 22   | Xây dựng hệ thống kế toán nhà nước   | Vụ CDKT&KT | NSNN; KBNN; Vụ ĐT; Vụ HCSN; TCT; TCHQ; các đơn vị có liên quan khác  | 2010<br>2015                    |
| 23   | Xây dựng mô hình KBNN thực hiện chức năng Tổng kế toán nhà nước  | KBNN       | NSNN; CDKT&KT; Vụ ĐT; Vụ HCSN; Vụ TCCB; các đơn vị có liên quan khác | 2010<br>2015                    |
| 24   | Xây dựng và hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán công áp dụng tại Việt Nam trên cơ sở chuẩn mực kế toán công quốc tế.   | Vụ CDKT&KT | NSNN; KBNN; Vụ ĐT; Vụ HCSN; TCT; TCHQ; các đơn vị có liên quan khác  | 2008<br>2020                    |
| <b>Chương trình hiện đại hóa hệ thống thanh toán</b> |  |            |  |                                 |
| 25   | Tăng cường công tác thanh toán không dùng tiền mặt trong hệ thống KBNN   | KBNN       | NSNN; TCT; TCHQ; Vụ TCNH; Cục TH&TK                                  | 2007<br>2010                    |
| 26   | Xây dựng hệ thống thanh toán tập trung trong nội bộ KBNN trong điều kiện triển khai TABMIS   | KBNN       | Vụ CDKT&KT; Cục TH&TK; Vụ TCNH;                                      | 2007<br>2009                    |
| 27   | Mở rộng và tăng cường thanh toán điện tử với hệ thống ngân hàng, bao gồm: thanh toán điện tử song phương, thanh toán bù trừ điện tử; thanh toán điện tử liên ng. hàng. | KBNN       | Vụ CDKT&KT; Tổng cục Thuế; Tổng cục Hải quan; Cục TH&TK              | 2007<br>2010                    |

**Chương trình cải cách công tác kiểm tra, kiểm soát**

|     |   |                       |   |      |      |
|-----|---|-----------------------|---|------|------|
| V.  |   |                       |   |      |      |
| 28  | Xây dựng hệ thống chỉ tiêu và quy trình giám sát từ xa các hoạt động nghiệp vụ KBNN | KBNN                  | Vụ CDKT&KT; Thanh tra tài chính; Cục TH&TK; các đơn vị có liên quan                   | 2008 | 2009 |
| 29  | Xây dựng khung kiểm soát quản lý rủi ro các hoạt động KBNN                          | KBNN                  | Vụ CDKT&KT; Thanh tra tài chính; Cục TH&TK; các đơn vị có liên quan                   | 2008 | 2009 |
| 30  | Xây dựng hệ thống kiểm tra, kiểm toán nội bộ KBNN                                   | KBNN                  | Vụ CDKT&KT; Thanh tra tài chính; Cục TH&TK; Vụ TCCB; Vụ TVQT; các đơn vị có liên quan | 2008 | 2010 |
| 31  | Xây dựng quy trình kiểm toán nội bộ   | KBNN                  | Vụ CDKT&KT; Thanh tra tài chính; Cục TH&TK; các đơn vị có liên quan                   | 2008 | 2009 |
| VI. | <b>Chương trình hiện đại hóa công nghệ thông tin</b>                                |                       |   |      |      |
| 32  | Triển khai dự án TABMIS   | Ban triển khai TABMIS | Các đơn vị thuộc Bộ   | 2007 | 2010 |
| 33  | Hoàn thiện các ứng dụng của KBNN trong điều kiện triển khai TABMIS                  | KBNN                  | Cục TH&TK   | 2008 | 2010 |

|             |  |                         |   |      |      |
|-------------|--|-------------------------|---|------|------|
| 34          | Triển khai hệ thống an toàn bảo mật cho hệ thống thông tin ngân sách – kho bạc trong điều kiện triển khai TABMIS     | KBNN                    | Cục TH&TK; NSNN; các đơn vị có liên quan              | 2008 | 2010 |
| 35          | Thiết lập hệ thống dự phòng khắc phục thảm họa   | Cục Tin học và Thống kê | KBNN, TCT, TCHQ, UBCKNN, các đơn vị có liên quan khác | 2008 | 2010 |
| 36          | Xây dựng mạng thông tin nội bộ Intranet của kho bạc  | KBNN                    | Cục TH&TK   | 2007 | 2008 |
| 37          | Xây dựng cổng thông tin điện tử KBNN   | KBNN                    | Cục TH&TK   | 2009 | 2010 |
| 38          | Xây dựng Kho bạc điện tử   | KBNN                    | Cục TH&TK; TCT, TCHQ; các đơn vị có liên quan         | 2015 | 2020 |
| <b>VII.</b> | <b>Chương trình hoàn thiện tổ chức bộ máy và phát triển nguồn nhân lực</b>   |                         |   |      |      |
| 39          | Xác định những thay đổi cơ bản về mô hình tổ chức bộ máy và nhu cầu nguồn nhân lực trong điều kiện triển khai TABMIS | KBNN                    | Vụ TCCB; các đơn vị có liên quan khác                 | 2008 | 2010 |
| 40          | Xây dựng và triển khai thực hiện một số mô hình tổ chức mới: KBNN không thực hiện thu, chi tiền mặt; KBNN khu vực    | KBNN                    | Vụ TCCB; các đơn vị có liên quan khác                 | 2010 | 2015 |
| 41          | Xây dựng chương trình, hệ thống cơ sở dữ liệu tập trung về quản lý cán bộ KBNN                                       | KBNN                    | Vụ TCCB; Cục TH&TK; các đơn vị có liên quan khác      | 2008 | 2009 |



|  |  |      |   |      |      |
|--|--|------|---|------|------|
| 42   | Hoàn thiện chính sách quản lý cán bộ KBNN, bao gồm: xác định rõ quyền và nghĩa vụ của cán bộ KBNN; xây dựng bản mô tả công việc; hệ thống chỉ tiêu đánh giá cán bộ,... | KBNN | Vụ TCCB; các đơn vị có liên quan khác                           | 2008 | 2010 |
| 43   | Tăng cường sử dụng lao động của các tổ chức cung ứng dịch vụ chuyên nghiệp đối với một số công việc hoặc lĩnh vực không cần phải bố trí biên chế KBNN                  | KBNN | Vụ TCCB; các đơn vị có liên quan khác                           | 2008 | 2009 |
| 44   | Xây dựng bộ giáo trình chuẩn về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ KBNN và sinh viên đại học, cao đẳng về nghiệp vụ kho bạc   | KBNN | Vụ TCCB; Trung tâm đào tạo cán bộ; các đơn vị có liên quan khác | 2008 | 2015 |
| <b>VIII. Chương trình tăng cường hợp tác quốc tế</b> |  |      |   |      |      |
| 45   | Xây dựng kế hoạch tổng thể về phát triển hợp tác quốc tế của KBNN đến 2020   | KBNN | Vụ Hợp tác quốc tế; các đơn vị có liên quan                     | 2008 | 2009 |

